

**BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THẾ GIỚI**  
**TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ**



# **DANH MỤC CẤM**

**THÁNG 1, 2019**



**play true**

Các văn bản chính thức về Danh mục cấm được WADA duy trì và được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp.  
Trong trường hợp xảy ra bất đồng ngôn ngữ giữa các phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp,  
phiên bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên.

**Danh mục này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019**

# CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM TẠI MỌI THỜI ĐIỂM

(Cả trong và ngoài thi đấu)

THEO ĐIỀU 4.2.2 CỦA BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THỂ GIỚI, TẤT CẢ CÁC CHẤT CẤM ĐƯỢC COI LÀ "CHẤT ĐẶC HIỆU", TRỪ NHỮNG CHẤT THUỘC NHÓM S1, S2, S4.4, S4.5, S6.A, VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP CẤM M1, M2, M3.

## CÁC CHẤT BỊ CẤM

### S0 NHỮNG CHẤT CHƯA ĐƯỢC THÔNG QUA

Tất cả những dược chất chưa được liệt kê trong các phần dưới đây của Danh mục và chưa được bất cứ cơ quan Y tế có thẩm quyền nào thông qua cho phép dùng để điều trị cho người (ví dụ những chất đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm, bị đình chỉ, hoặc chỉ sử dụng cho gia súc...) bị cấm trong mọi thời điểm

### S1 CÁC CHẤT ĐỒNG HÓA

Các chất đồng hóa đều bị cấm

#### 1. ANABOLIC ANDROGENIC STEROIDS (AAS)

##### a. Những chất AAS ngoại sinh\*, bao gồm:

**1-A**ndrostenediol (5 $\alpha$ -androst-1-ene-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol);  
1-Androstenedione (5 $\alpha$ -androst-1-ene-3,17-dione);  
1-Androsterone (3 $\alpha$ -hydroxy-5 $\alpha$ -androst-1-ene-17-one);  
**1-T**estosterone (17 $\beta$ -hydroxy-5 $\alpha$ -androst-1-en-3-one);  
**B**olasterone;  
**C**alusterone;  
Clostebol;  
**D**anazol ([1,2]oxazolo[4',5':2,3]pregna-4-en-20-yn-17 $\alpha$ -ol);  
Dehydrochlormethyltestosterone (4-chloro-17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylandrosta-1,4-dien-3-one);  
Desoxymethyltestosterone (17 $\alpha$ -methyl-5 $\alpha$ -androst-2-en-17 $\beta$ -ol and 17 $\alpha$ -methyl-5 $\alpha$ -androst-3-en-17 $\beta$ -ol);  
Drostanolone;  
**E**thylestrenol (19-norpregna-4-en-17 $\alpha$ -ol);  
**F**luoxymesterone; Formebolone;  
Furazabol (17 $\alpha$ -methyl [1,2,5]oxadiazolo[3',4':2,3]-5 $\alpha$ -androstan-17 $\beta$ -ol);  
**G**estrinone;

**M**estanolone;  
Mesterolone;  
Metandienone (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylandrosta-1,4-dien-3-one);  
Metenolone;  
Methandriol;  
Methasterone (17 $\beta$ -hydroxy-2 $\alpha$ ,17 $\alpha$ -dimethyl-5 $\alpha$ -androstan-3-one);  
Methyldienolone (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylestra-4,9-dien-3-one);  
  
Methyl-1-testosterone (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methyl-5 $\alpha$ -androst-1-en-3-one);  
Methylnortestosterone (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylestr-4-en-3-one);  
Methyltestosterone;  
Metribolone (methyltrienolone, 17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylestra-4,9,11-trien-3-one);  
Mibolerone; **N**orboletone;  
Norclostebol;  
Norethandrolone;  
**O**xabolone; Oxandrolone;  
Oxymesterone;  
Oxymetholone;  
**P**rostanazol (17 $\beta$ -[(tetrahydropyran-2-yl)oxy]-1'H-pyrazolo[3,4:2,3]-5 $\alpha$ -androstane);  
**Q**uinbolone;  
**S**tanozolol;  
Stenbolone;  
**T**etrahydrogestrinone (17-hydroxy-18 $\alpha$ -homo-19-nor-17 $\alpha$ -pregna-4,9,11-trien-3-one);  
Trenbolone (17 $\beta$ -hydroxyestr-4,9,11-trien-3-one);

Và những chất khác với cấu trúc hóa học tương tự hoặc tác động sinh học tương tự.

**b. AAS nội sinh\*\* và các chất chuyển hóa, đồng phân của chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các chất sau:**

- 4-Androstenediol** (androst-4-ene-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol);
- 4-Hydroxytestosterone** (4,17 $\beta$ -dihydroxyandrost-4-en-3-one);
- 5-Androstenedione** (androst-5-ene-3,17-dione);
- 7 $\alpha$ -hydroxy-DHEA**;
- 7 $\beta$ -hydroxy-DHEA**;
- 7-keto-DHEA**;
- 19-Norandrostenediol** (estr-4-ene-3,17-diol);
- 19-Norandrostenedione** (estr-4-ene-3,17-dione);
- Androstanolone** (5 $\alpha$ -dihydrotestosterone, 17 $\beta$ -hydroxy-5 $\alpha$ -androst-3-one);
- Androstenediol** (androst-5-ene-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol);
- Androstenedione** (androst-4-ene-3,17-dione);
- Boldenone**;
- Boldione** (androsta-1,4-diene-3,17-dione);
- Epiandrosterone** (3 $\beta$ -hydroxy-5 $\alpha$ -androst-17-one);
- Epi-dihydrotestosterone** (17 $\beta$ -hydroxy-5 $\beta$ -androst-3-one);
- Epitestosterone**;
- Nandrolone** (19-nortestosterone);
- Prasterone** (dehydroepiandrosterone, DHEA, 3 $\beta$ -hydroxyandrost-5-en-17-one);
- Testosterone**.

**2. NHỮNG CHẤT ĐỒNG HÓA KHÁC**

Bao gồm, nhưng không giới hạn trong những chất sau:  
Clenbuterol, selective androgen receptor modulators (SARMs, e.g. andarine, LGD-4033, enobosarm (ostarine) and RAD140), tibolone, zeranol và zilpaterol.

**Chú thích cho mục này:**

- \* "ngoại sinh" là một chất không do cơ thể người sản xuất ra một cách tự nhiên.
- \*\* "nội sinh" là một chất cơ thể người tự sản xuất ra một cách tự nhiên.

**S2 CÁC CHẤT HORMONE EPTIDE, YẾU TỐ TĂNG TRƯỞNG, CÁC CHẤT LIÊN QUAN**

Các chất sau, hoặc những chất khác có cấu trúc hóa học hoặc tác dụng sinh học tương tự, đều bị cấm:

1. Erythropoietins (EPO) và tác nhân ảnh hưởng tới tạo hồng cầu, bao gồm, nhưng không giới hạn trong những chất sau:
  - 1.1 Erythropoietin-Receptor Agonists, e.g. Darbepoetins (dEPO); Erythropoietins (EPO); EPO based constructs [e.g. EPO-Fc, methoxy polyethylene glycol-epoetin beta (CERA)]; EPO-mimetic agents and their constructs (e.g. CNTO-530, peginesatide).
  - 1.2 Các tác nhân kích hoạt (HIF), ví dụ: Argon; Cobalt; Daprodustat (GSK1278863); Molidustat (BAY 85-3934); Roxadustat (FG-4592); Vadadustat (AKB-6548); Xenon.
  - 1.3 Các chất ức chế GATA, Ví dụ: K-11706.
  - 1.4 Các chất ức chế TGF-beta (TGF- $\beta$ ), Ví dụ: Luspatercept; Sotatercept.
  - 1.5 Các chất sửa đổi thụ thể bẩm sinh, Ví dụ: Asialo EPO; Carbamylated EPO (CEPO).

2. Peptide Hormones và các yếu tố giải phóng,
- 2.1 Chorionic Gonadotrophin (CG) và Luteinizing Hormone (LH) và các yếu tố giải phóng của nó trong nam giới,  
Ví dụ. Buserelin, deslorelin, gonadorelin, goserelin, leuprorelin, nafarelin và triptorelin;
- 2.2 Corticotrophins và các chất kích thích sản xuất hormones này, Ví dụ: Corticorelin;
- 2.3 Hormone tăng trưởng (GH), các phân nhánh của nó và các chất kích thích sản xuất hormone này, bao gồm nhưng không giới hạn trong những chất sau:  
Phân tách của GH, Ví dụ: AOD-9604 và hGH 176-191;  
Hormone các chất kích thích sản xuất GH (GHRH) và những chất tương tự, Ví dụ: CJC-1293, CJC-1295, sermorelin và tesamorelin;  
GH Secretagogues (GHS), Ví dụ: ghrelin và ghrelin mimetics, Ví dụ: anamorelin, ipamorelin and tabimorelin; GH-Releasing Peptides (GHRPs), e.g. alexamorelin, GHRP-1, GHRP-2 (pralmorelin), GHRP-3, GHRP-4, GHRP-5, GHRP-6, và examoreline (hexarelin).
3. Các chất tăng trưởng và điều hòa tăng trưởng, bao gồm, nhưng không giới hạn trong những chất sau:  
**F**ibroblast Growth Factors (FGFs); **H**epatocyte Growth Factor (HGF);  
**I**nsulin-like Growth Factor-1 (IGF-1) và đồng phân của chúng;  
**M**echano Growth Factors (MGFs); **P**latelet-Derived Growth Factor (PDGF); **T**hymosin- $\beta$ 4 and its derivatives e.g. TB-500; **V**ascular-Endothelial Growth Factor (VEGF).

Những chất tăng trưởng khác tác động tới đến sự tổng hợp/ thoái hóa cơ, gân, dây chằng mạch máu, sử dụng năng lượng chuyển đổi các dạng sợi cơ

## S3 BETA-2 AGONISTS

Tất cả các chất chủ vận beta-2 chọn lọc và không chọn lọc, bao gồm tất cả các đồng phân quang học, đều bị cấm. Bao gồm nhưng không giới hạn trong những chất sau:

**F**enoterol;  
**F**ormoterol;  
**H**igenamine;  
**I**ndacaterol;  
**O**lodaterol;  
**P**rocaterol;  
**R**eoproterol;  
**S**albutamol;  
**S**almeterol;  
**T**erbutaline;  
**T**ulobuterol;  
**V**ilanterol.

Ngoại trừ:

- **Salbutamol** dạng xịt hơi: tối đa 1600 micrograms trong 24 giờ với liều chia không vượt quá 800 micrograms trong 12 giờ kể từ khi dùng thuốc;
- **Formoterol** dạng xịt: tối đa liều dùng 54 micrograms trong vòng 24 giờ;
- **Salmeterol** dạng xịt: tối đa 200 micrograms trong vòng 24 giờ.

Sự xuất hiện Salbutamol với nồng độ trong nước tiểu vượt quá 1000 ng/mL hoặc formoterol vượt quá 40 ng/mL được coi là sử dụng không phải do mục đích điều trị và sẽ bị coi như một Kết quả kiểm tra bất lợi (*Adverse Analytical Finding - AAF*), trừ khi vận động viên chứng minh được, thông qua quá trình nghiên cứu được lý được kiểm soát, rằng nồng độ bất thường đó là hệ quả của việc sử dụng liều lượng xịt cao quá liều lượng được nói tới bên trên.

---

## S4 HORMONE VÀ CÁC CHẤT CHUYỂN HÓA

Những hormone và những chất chuyển hóa sau đây bị Cấm:

**1.** Các chất ức chế Aromatase, bao gồm, nhưng không giới hạn trong những chất sau:

**2-A**ndrostenol (5 $\alpha$ -androst-2-en-17-ol);  
2- Androstenone (5 $\alpha$ -androst-2-en-17-one);  
**3- A**ndrostenol (5 $\alpha$ -androst-3-en-17-ol);  
3-Androstenone (5 $\alpha$ -androst-3-en-17-one);  
**4-A**ndrostene-3,6,17 trione (6-oxo);  
Aminoglutethimide;  
Anastrozole;  
Androsta-1,4,6-triene-3,17-dione (androstatrienedione);  
Androsta-3,5-diene-7,17-dione (arimistane);  
**E**xemestane;  
**F**ormestane;  
**L**etrozole;  
**T**estolactone.

**2.** Tác động tối thụ thể chọn lọc estrogen (SERMs) bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**R**aloxifene;  
**T**amoxifen;  
Toremifene.

**3.** Các chất chống estrogen, bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**C**lomifene;  
Cyclofenil;  
**F**ulvestrant.

**4.** Các tác nhân ngăn chặn hoạt hóa IIB của thụ thể kích hoạt bao gồm, nhưng không giới hạn, đối với:

**A**ctivin A-neutralizing antibodies; Activin receptor IIB competitors such as: Decoy activin receptors (e.g. ACE-031); Anti-activin receptor IIB antibodies (e.g. bimagrumb);

**M**yostatin inhibitors such as: Agents reducing or ablating myostatin expression; Myostatin-binding proteins (e.g. follistatin, myostatin propeptide); Myostatin-neutralizing antibodies (e.g. domagrozumab, landogrozumab, stamulumab).

**5.** Các chất làm thay đổi chuyển hóa:

**5.1** Chất hoạt hóa của protein kinase được kích hoạt AMP (AMPK), ví dụ: AICAR, SR9009; và Peroxisome Proliferator kích hoạt Receptor  $\delta$  (PPAR $\delta$ ) chất chủ vận, ví dụ. 2- (2-metyl-4 - ((4-metyl-2- (4 - (trifluoromethyl) phenyl) thiazol-5-yl) metylthio) axit axetic (GW1516, GW501516);

**5.2** Insulins and insulin-mimetics;

**5.3** Meldonium;

**5.4** Trimetazidine.

---

## S5 CHẤT LỢI TIỂU VÀ CÁC TÁC NHÂN CHE DẤU

Tác nhân làm giảm hoặc giảm biểu hiện myostatin; Các protein liên kết với myostatin (ví dụ: follistatin, Các chất lợi tiểu và tác nhân che dấu sau đây, cũng như là các chất có cấu trúc hoá học hoặc tác dụng sinh học tương tự, đều bị cấm.

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

- Desmopressin; probenecid; plasma expanders, e.g. intravenous administration of albumin, dextran, hydroxyethyl starch và mannitol.

- Acetazolamide; amiloride; bumetanide; canrenone; chlortalidone; etacrynic acid; furosemide; indapamide; metolazone; spironolactone; thiazides, e.g. bendroflumethiazide, chlorothiazide and hydrochlorothiazide; triamterene and vaptans, e.g. tolvaptan.

### Ngoại trừ

- Drospirenone; pamabrom; và thuốc ức chế nhãn khoa (Ví dụ dorzolamide, brinzolamide);
- Sử dụng felypressin tại chỗ trong gây tê nha khoa.

Việc phát hiện trong mẫu kiểm tra Doping của vận động viên được lấy trong hoặc ngoài thi đấu

bất kỳ lượng nào của một trong các chất cấm có ngưỡng sau đây: formoterol, salbutamol, cathine, ephedrine, Methylephedrine và pseudoephedrine, được sử dụng cùng với một chất lợi tiểu hoặc tác nhân che dấu, sẽ bị coi như một Kết quả phân tích bất lợi (AAF) trừ khi vận động viên đã được cấp phép một Miễn trừ do điều trị cho chất đó và ngoài ra có một Miễn trừ do điều trị khác đã được cấp cho việc sử dụng chất lợi tiểu và tác nhân che dấu đó.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM

---

### M1 TÁC ĐỘNG TỚI MÁU HOẶC CÁC THÀNH PHẦN CỦA MÁU

Các phương pháp sau đây bị cấm:

1. Tiêm truyền bất kỳ lượng máu tự thân hoặc máu tương đồng khác, hoặc các sản phẩm hồng cầu có nguồn gốc bất kỳ vào hệ thống tuần hoàn.
2. Tác động một cách nhân tạo nhằm tăng cường sự hấp thụ, vận chuyển hoặc cung cấp oxy.  
Bao gồm nhưng không giới hạn trong:  
**Perfluorochemicals; efaproxiral (RSR13)** và các sản phẩm biến đổi Hemoglobin, ví dụ: các chất thay thế hemoglobin dựa trên máu và các chế phẩm siêu hạt hemoglobin, không bao gồm bổ sung oxy bằng cách hít.
3. Bất kỳ hình thức can thiệp truyền vào mạch máu - máu hoặc các thành phần của máu bằng các phương tiện vật lý hoặc hóa học.

---

### M2 TÁC ĐỘNG VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Các phương thức sau bị cấm:

1. Giã mạo, hoặc cố gắng làm giã mạo, để gây ảnh hưởng tới tính nguyên vẹn và tính hợp lệ của mẫu trong suốt quá trình lấy mẫu kiểm tra Doping.  
Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong việc: thay thế và/hoặc pha trộn nước tiểu, Ví dụ với proteaproteases.
2. Tiêm và/hoặc truyền tĩnh mạch với liều lượng lớn hơn 100 mL trong vòng 12h; trừ những trường hợp đang điều trị hợp pháp theo hồ sơ bệnh viện, phẫu thuật hoặc trong quá trình thử nghiệm lâm sàng

---

### M3 GENE VÀ CELL DOPING

Những chất sau đây, với khả năng làm tăng cường thành tích thể thao, bị cấm:

1. Việc sử dụng các chất polymers của axit nucleic hoặc các chất tương tự nucleic acid.
2. Việc sử dụng các tác nhân chỉnh sửa gen được thiết kế để thay đổi trình tự bộ gen và / hoặc quy trình phiên mã hoặc biểu sinh biểu hiện gen.
3. Việc sử dụng các tế bào biến đổi gen hoặc bình thường.

# CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM TRONG THI ĐẤU

NGOÀI CÁC NHÓM CHẤT BỊ CẤM TỪ S0 TỚI S5 VÀ M1 TỚI M3 ĐƯỢC NHẮC TỚI Ở TRÊN, NHÓM CÁC CHẤT SAU BỊ CẤM TRONG THI ĐẤU:

## CÁC CHẤT BỊ CẤM

### S6 CÁC CHẤT KÍCH THÍCH

Tất cả các chất kích thích, bao gồm cả các đồng phân, ví dụ đồng phân dạng d- và l-, đều bị cấm.

Các chất kích thích bao gồm:

#### a: Chất kích thích không đặc

##### hiệu:

**A**drafinil;  
Amfepramone;  
Amfetamine; Amfetaminil;  
Amiphenazole; **B**enfluorex;  
Benzylpiperazine; Bromantan;  
**C**lobenzorex; Cocaine;  
Cropropamide; Crotetamide;  
**F**encamine; Fenetyliline;  
Fenfluramine; Fenproporex;  
Fonturacetam [4-phenylpiracetam (carphedon)];  
Furfenorex; **L**isdexamfetamine;  
**M**efenorex; Mephentermine;  
Mesocarb; Metamfetamine(d-);  
p-methylamfetamine; Modafinil;  
**N**orfenfluramine; **P**hendimetrazine;  
Phentermine; Prenylamine;  
Prolintane.

Chất cấm không có tên trong danh sách trên là *Chất kích thích đặc hiệu*.

#### b: Chất kích thích đặc hiệu.

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau

**3-M**ethylhexan-2-amine (1,2-dimethylpentylamine);  
**4-M**ethylhexan-2-amine (methylhexaneamine);  
4-Methylpentan-2-amine (1,3-dimethylbutylamine);  
**5-M**ethylhexan-2-amine (1,4-dimethylpentylamine);  
**B**enzfetamine;  
**C**athine\*\*;  
Cathinone and its analogues, e.g. mephedrone, methedrone, and  $\alpha$  - pyrrolidinovalerophenone;  
**D**imetamfetamine;  
**E**phedrine\*\*\*;  
Epinephrine\*\*\*\* (adrenaline);  
Etamivan;  
Etilamfetamine;  
Etilefrine;  
**F**amprofazone;  
Fenbutrazate;  
Fencamfamin;  
**H**eptaminol;  
Hydroxyamfetamine (parahydroxyamphetamine);  
**I**sometheptene;  
**L**evmetamfetamine;  
**M**eclofenoxate;  
Methylenedioxymethamphetamine;  
Methylephedrine\*\*\*;  
Methylphenidate;  
**N**ikethamide;  
Norfenefrine;  
**O**ctopamine;  
Oxilofrine (methysynephrine);  
**P**emoline;  
Pentetrazol;  
Phenethylamine and its derivatives;  
Phenmetrazine; Phenpromethamine;  
Propylhexedrine;  
Pseudoephedrine\*\*\*\*\*;



Selegiline;  
Sibutramine;  
Strychnine;  
Tenamfetamine (methylenedioxyamphetamine);  
Tuaminoheptane;

Và những chất có cấu trúc hóa hoặc tương tự hoặc hiệu quả sinh học tương tự.

Ngoại trừ:

- Clonidine;
- Các dẫn xuất của Imidazole sử dụng trong nhãn khoa/ hoặc bôi ngoài da và các chất kích thích nằm trong Chương trình giám sát năm 2019\*.

\* Bupropion, caffeine, nicotine, phenylephrine, phenylpropanolamine, pipradrol, và synephrine: Các chất này nằm trong Chương trình giám sát năm 2019 và *không bị coi là Chất cấm*.

\*\* Cathine: Bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu vượt ngưỡng 5 microgam trong 1ml.

\*\*\* Ephedrine và methylephedrine: Đều bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu vượt ngưỡng 10 microgam trong 1ml.

\*\*\*\* Epinephrine (adrenaline): Không bị cấm khi sử dụng tại chỗ. Ví dụ: nasal, ophthalmologic, or co-administration with local anaesthetic agents.

\*\*\*\*\* Pseudoephedrine: Bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu vượt ngưỡng 150 microgam trong 1ml.

---

## S7 CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN

Các chất gây nghiện sau bị cấm:

Buprenorphine;  
Dextromoramide;  
Diamorphine (heroin);  
Fentanyl and its derivatives;  
Hydromorphone;  
Methadone;  
Morphine;  
Nicomorphine;  
Oxycodone;  
Oxymorphone;  
Pentazocine;  
Pethidine.

---

## S8 NHÓM CẦN SA

Các chất cần sa sau bị cấm:

- Cần sa tự nhiên, Ví dụ cannabis, hashish và marijuana,
- Cần sa tổng hợp. VD.  $\Delta$ 9-tetrahydrocannabinol (THC) và cannabimimetics khác

Ngoại trừ:

- Cannabidiol.

---

## S9 GLUCOCORTICOIDS

Tất cả các glucocorticoids đều bị cấm khi sử dụng qua đường uống, tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc đặt hậu môn

Including but not limited

to: **B**etamethasone;

Budesonide;

**C**ortisone;

**D**eflazacort;

Dexamethasone;

**F**luticasone;

**H**ydrocortisone;

**M**ethylprednisolone;

**P**rednisolone; Prednisone;

**T**riamcinolone.

# CÁC CHẤT BỊ CẤM TRONG CÁC MÔN THỂ THAO ĐẶC THÙ

## **P1 BETA-BLOCKERS**

Các thuốc chẹn Beta chỉ bị cấm trong thi đấu ở một số môn thể thao sau đây, và đồng thời bị cấm Ngoài thi đấu khi có thông báo:

- Bắn cung (WA)\*
- Đua ô tô (FIA)
- Billiards (tất cả các nội dung thi đấu) (WCBS)
- Phi tiêu (WDF)
- Golf (IGF)
- Bắn súng (ISSF, IPC)\*
- Trượt tuyết/trượt ván tuyết (FIS), nhảy tự do trên không
- Các môn thể thao dưới nước (CMAS) trong bộ môn Lặn vo với trọng lượng cố định có hoặc không có chân nhái, Lặn vo dùng tay kéo lên hoặc sợi dây thừng, Lặn vo dạng Blue Jump, lặn biển bắn cá, lặn vo tĩnh, bắn súng

*Ghi chú:* các môn có đánh dấu \* nghĩa là *đồng thời bị cấm ngoài thi đấu*

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong các chất sau:

<b>A</b> cebutolol;	<b>L</b> abetalol;
<b>A</b> lprenolol;	<b>M</b> etipranolol;
<b>A</b> tenolol;	<b>M</b> etoprolol;
<b>B</b> etaxolol;	<b>N</b> adolol;
<b>B</b> isoprolol;	<b>O</b> xprenolol;
<b>B</b> unolol;	<b>P</b> indolol;
<b>C</b> arteolol;	<b>P</b> ropranolol;
<b>C</b> arvedilol;	<b>S</b> otalol;
<b>C</b> eliprolol;	<b>T</b> imolol.
<b>E</b> smolol;	

[www.wada-ama.org](http://www.wada-ama.org)

